

PHÒNG NGỰ VÙNG MA200

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Thực phẩm đồ uống cuối năm 2024

Tăng trưởng GDP của Việt Nam 6 tháng đầu năm đạt 6,42% và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong 2H2024. Tăng trưởng kinh tế và thu nhập cải thiện sẽ góp phần cho ngành hàng tiêu dùng được cải thiện.

Các xu hướng tiêu dùng ngày càng ưa chuộng thực phẩm bổ dưỡng và tiện lợi, trong đó sữa và các sản phẩm từ sữa đóng vai trò quan trọng trong chế độ ăn uống hàng ngày.

Các chính sách của nhà nước giúp hoạt động xuất khẩu mở rộng đà tăng trưởng trong 9 tháng đầu năm nay góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp.

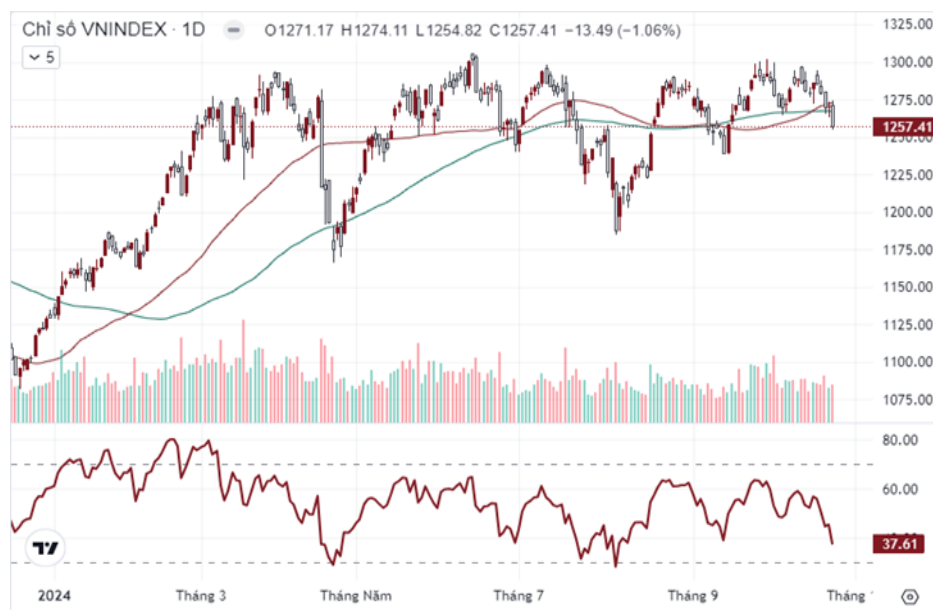
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 13,49 điểm trong phiên 24/10 kết phiên ở mức 1.257,41 điểm. Thanh khoản tăng 14,12% so với phiên giao dịch ngày 23/10. Khối ngoại quay lại bán ròng hơn 235 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường có khả năng hồi kỹ thuật quanh vùng 1.260-1.265 điểm trong phiên giao dịch ngày 24/10. Sau một chuỗi những phiên giao dịch giằng co không thể vượt 1.300, tính phân hóa diễn ra khiến thị trường không đồng thuận, khối ngoại lại liên tục bán ròng khiến tâm lý nhà đầu tư bị tác động. Mặc dù áp lực bán hoàn toàn lấn át nhưng VN-Index sẽ có phản ứng phòng vệ quanh MA200 (vùng 1.250 điểm) làm tăng độ biến động trong phiên. Các vị thế mua mới, dù vậy, vẫn nên chờ sự vận động của lực cầu rõ nét hơn, tỷ trọng nên giữ ở mức vừa hoặc thấp khi tín hiệu kỹ thuật không tích cực.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



| Chỉ báo | RSI14 | MFI | MA10 | MA20 | MA50 | MA100 |
|-----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Giá trị | 37,61 | 45,65 | 1.278,52 | 1.280,15 | 1.272,72 | 1.266,97 |
| Hành động | Quan sát | Quan sát | Quan sát | Quan sát | Quan sát | Quan sát |

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

VNMM

Khuyến nghị: **Mua**TP: **73.500 VND** | UPSIDE: **+8%**

Chiến lược hành động

MUA: Đối với hoạt động trading NĐT có thể tìm điểm mua cho những ngành được kỳ vọng phục hồi vào giai đoạn cuối năm 2024, ưu tiên các cổ phiếu có báo cáo tích cực trong quý III/2024 và kỳ vọng duy trì được đà tích cực trong Quý IV/2024.

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận.

Tổng quan thị trường

| Thị trường | Giá trị | %Δ |
|------------------|----------|--------|
| VN-Index | | |
| Đóng cửa | 1.257,41 | -1,06 |
| KLCP (triệu CP) | 673,14 | 14,12 |
| GTGD (tỷ VND) | 15.981 | 13,74 |
| Khớp lệnh | 14.083 | 9,49 |
| Thỏa thuận | 1.898 | 59,67 |
| HNX-Index | | |
| Đóng cửa | 224,69 | -0,80 |
| KLCP (triệu CP) | 37,69 | -7,63 |
| GTGD (tỷ VND) | 650,85 | -1,82 |
| UPCoM | | |
| Đóng cửa | 92,06 | -0,07 |
| KLCP (triệu CP) | 31,15 | -19,75 |
| GTGD (tỷ VND) | 438,9 | -34,38 |

Diễn biến TTCK Mỹ: Các chỉ số chính đang có xu hướng kết thúc tuần với mức lỗ, điều này sẽ phá vỡ chuỗi sáu tuần tăng điểm của cả ba. Dow đã có kết quả tệ nhất với mức giảm hơn 2% tính đến thời điểm đóng cửa phiên giao dịch ngày thứ Năm, trong khi S&P 500 và Nasdaq lần lượt giảm 0,9% và 0,4%. Dow tụt hậu vào thứ Năm, trượt hơn 140 điểm một chút do sự sụt giảm của IBM và Boeing.

Thế giới: Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), phần lớn thế giới đã thành công trong việc giảm lạm phát và tạo cơ hội cho nền kinh tế hạ cánh mềm, tức tránh được rủi ro suy thoái. Tuy nhiên, thế giới đang phải đối mặt với rủi ro địa chính trị gia tăng và triển vọng tăng trưởng dài hạn yếu. IMF giữ nguyên ước tính tăng trưởng toàn cầu ở mức 3,2% cho năm 2024 và 2025. Họ coi đây là mức ổn định nhưng “không mấy ấn tượng”. Mỹ được dự báo sẽ tăng trưởng nhanh và các nền kinh tế mới nổi châu Á cũng có khả năng tăng trưởng mạnh mẽ, dựa vào các khoản đầu tư liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI). IMF dự báo tăng trưởng toàn cầu sẽ tăng 3,1% vào cuối thập kỷ này, mức thấp nhất trong nhiều năm. Những trở ngại về mặt cấu trúc như năng suất thấp và già hóa dân số cũng đang hạn chế triển vọng tăng trưởng.

Việt Nam: Theo số liệu của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam 9 tháng 2024 ước đạt 32,2 tỷ USD, tăng 8,18% so cùng kỳ 2023. Tính riêng trong quý III/2024, con số này đạt 12,6 tỷ USD, cho thấy hoạt động xuất khẩu của ngành được cải thiện. Nhiều doanh nghiệp trong ngành cũng ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực. Xuất khẩu ngành may trong 9 tháng đầu năm phục hồi một phần do sự chuyển dịch đơn hàng từ Trung Quốc, Bangladesh, Myanmar sang Việt Nam, tồn kho tại các thị trường chủ lực như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản có xu hướng giảm dần so với cùng kỳ năm trước, cộng với sức mua có xu hướng tăng tạo nên sự phục hồi nhu cầu đặt hàng từ các đối tác. Dự kiến đơn hàng may mặc trong quý IV/2024 và quý I/2025 sẽ tiếp tục dồi dào, tuy nhiên đơn giá chưa cải thiện đáng kể.

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do giảm nhẹ về mức 25,399.99.

Thép: Giá thép thanh tương lai giao dịch quanh mức 3.210 CNY/tấn (451,65 USD/tấn) kéo dài đà giảm từ mức cao nhất trong bốn tháng là 3.420 CNY vào ngày 14 tháng 10 trong bối cảnh bi quan mới về nhu cầu kim loại đen tại quốc gia tiêu thụ hàng đầu là Trung Quốc.

HCM: Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM (mã: HCM) đã công bố BCTC quý III. Công ty ghi nhận tổng doanh thu hoạt động tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí hoạt động tăng 62% lên 761 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 4% lên 222 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, tổng doanh thu công ty đạt 3.095 tỷ đồng, tăng 51,6%; lãi sau thuế 812,6 tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ năm trước. Sau khi trừ đi chi phí, mảng kinh doanh vốn mang về lợi nhuận hoạt động lớn nhất 682 tỷ đồng, mảng tự doanh đạt 413 tỷ đồng, mảng môi giới 210 tỷ và tư vấn 28 tỷ đồng trong 9 tháng. Dư nợ cho vay của HSC tăng mạnh từ 12.135 tỷ đồng đầu năm lên 19.286 tỷ đồng tại cuối quý III, chiếm 59% tổng tài sản. Quy mô cho vay trên vốn chủ sở hữu đạt 1,92 lần, gần chạm trần tỷ lệ cho phép theo quy định (2 lần). Đây là tỷ lệ vượt trội so với nhiều CTCK lớn khác trên thị trường như Chứng khoán SSI (0,83 lần), VNDirect (0,55 lần), SHS (0,34 lần) hay Chứng khoán Techcombank (1 lần).

PVD: Báo cáo của Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) cho thấy, Kết thúc 9 tháng năm 2024, PV Drilling đã hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm 2024. Cụ thể, tổng doanh thu hợp nhất ước thực hiện trên 6.400 tỷ đồng (tăng 40% so với kế hoạch và tăng 48% so với cùng kỳ 2023); lợi nhuận trước thuế ước thực hiện khoảng 670 tỷ đồng (tăng 107% so với kế hoạch và tăng 54% so với cùng kỳ); lợi nhuận sau thuế ước thực hiện trên 450 tỷ đồng (tăng 62% so với kế hoạch và tăng 31% so với cùng kỳ). Trên cơ sở kết quả SXKD đạt được 9 tháng đầu năm 2024, PV Drilling ước tính sẽ hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu theo kế hoạch quản trị 529 của Tập đoàn. Hiện các giàn khoan jack-up của PV Drilling đã có hợp đồng hết năm 2025, một số giàn có hợp đồng đến 2028.

Chứng khoán thế giới

| Thị trường | Điểm số | %Δ | YTD |
|------------|-----------|-------|-------|
| SP500 | 5.809,86 | 0,21 | 21,80 |
| DJIA | 42.374,36 | -0,33 | 12,43 |
| Nasdaq | 18.415,49 | 0,76 | 22,68 |
| Shanghai | 3.280,26 | -0,68 | 10,26 |
| Hang Seng | 20.489,62 | -1,30 | 20,19 |

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng | 2.734,00 | 0,47 | 32,55 |
| Dầu WTI | 70,38 | -1,05 | -1,77 |
| Dầu Brent | 74,54 | -1,05 | -3,25 |
| Than | 145,00 | - | -0,96 |
| Đồng | 4,3326 | 0,64 | 11,65 |
| Quặng sắt | 104,26 | -0,65 | -23,55 |
| Thép | 451,65 | 0,51 | -18,07 |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|---------|-----------|--------|--------|
| DXY | 104,04 | -0,35 | 2,62 |
| USD/JPY | 151,73 | -0,61 | 7,56 |
| USD/CNY | 7,1250 | -0,14 | 0,00 |
| EUR/USD | 11,0824 | 927,67 | 904,20 |
| GBP/USD | 1,2973 | 0,46 | 1,92 |

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá | %Δ |
|-------|----------|-------|-------|
| VHM | 1.527,94 | 43,85 | -6,70 |
| STB | 1.108,32 | 33,40 | -6,70 |
| HSG | 195,96 | 20,50 | 0,99 |
| VNM | 299,22 | 68,40 | 1,63 |
| LCG | 20,54 | 10,50 | -1,87 |

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá | %Δ |
|-------|----------|-------|-------|
| VHM | 1.527,94 | 43,85 | -6,70 |
| STB | 1.108,32 | 33,40 | -6,70 |
| VPB | 527,27 | 20,00 | -2,20 |
| EIB | 477,46 | 21,40 | -0,93 |
| MSN | 437,86 | 78,50 | -1,13 |

VNM
(HOSE)

Khuyến nghị

Mua

Giá hiện tại (24/10/2024)

68.400

Giá mục tiêu

73.500

Tiềm năng tăng trưởng

8%–9%

Vùng mua

67.300–68.000

Ngưỡng cắt lỗ

<64.200

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 1H2024, VNM đạt DTT và LNST đạt lần lượt 30.768 tỷ đồng (+5,7% yoy) và 4.903 tỷ đồng (+18,6 yoy) trong đó doanh thu nội địa tăng 3,1% yoy, doanh thu xuất khẩu tăng 18,7% yoy. Biên lợi nhuận gộp đạt 42,18% (tăng 2,51% yoy), nhờ nền giá bột sữa nhập khẩu vẫn nằm ở mức thấp. Ngoài ra, chiến dịch tái định vị thương hiệu của VNM có kết quả tương đối khả quan khi thị phần sữa nước sau chiến dịch đã cải thiện được 1,3-1,6% yoy ở nửa đầu năm.

Động lực tăng trưởng doanh thu đến từ: (1) Nỗ lực R&D, cải tiến hình ảnh các dòng sản phẩm; (2) Mở rộng kênh bán hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu và chiến dịch bán hàng, bao gồm liên kết với các trung tâm y tế để cung cấp sản phẩm sữa chất lượng cao cho các bệnh nhân – mở rộng tập khách hàng.

Tiêu dùng được kỳ vọng sẽ cải thiện trong thời gian tới: Tăng trưởng GDP đạt gần 7% yoy trong 2 quý đầu đầu năm, doanh số bán lẻ cũng được cải thiện 1%. Ngành tiêu dùng tăng trưởng trở lại, mức tăng trưởng âm của ngành sữa thu hẹp.

Tiềm năng từ mảng thịt bò: Sản phẩm thịt bò dự kiến ra mắt vào Q4/2024, đem về doanh thu khoảng 1.000 tỷ VND trong năm 2025 và khoảng 3.000 tỷ trong năm 2029, với biên lợi nhuận gộp cho mảng thịt bò sẽ đạt khoảng 15% ở năm 2029.

Chiến lược marketing thông minh giúp VNM cải thiện doanh thu bán hàng. Trong nửa cuối năm, công ty sẽ hoàn thiện nhận diện mới cho các sản phẩm còn lại trong danh mục. Đồng thời, VNM đã cho ra mắt 3 dòng sản phẩm cải tiến trong quý 2/2024 để đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Doanh nghiệp dự kiến nghiên cứu các thức uống giàu protein khác nhằm mở rộng đối tượng khách hàng ở các độ tuổi.

Thông tin doanh nghiệp

| | |
|------------------------|---------------------|
| Phân ngành ICB L2 | Thực phẩm & đồ uống |
| Biến động giá 1Y | 61.400–73.500 |
| KLGDBQ 10D (CP) | 2.188.910 |
| Vốn hóa (tỷ đồng) | 140.654 |
| BVPS | 16.434 |
| P/E (lần) | 14,53 |
| P/B (lần) | 4,10 |
| EPS (VND) | 4.633,31 |
| SL CPLH (triệu CP) | 2.089,96 |
| Tỷ lệ free-float (%) | 40,00 |
| Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%) | 51,75 |
| ROA (%) | 18,14 |
| ROE (%) | 30,13 |

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VNM giữ được các mốc hỗ trợ MA ngắn hạn, đồng thời các chỉ báo MFI, RSI bắt đầu tiến về vùng an toàn cho xu hướng mua. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường để có điểm mua phù hợp.



| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| Xu hướng ngày | - | Tăng |
| Xu hướng tuần | - | Đi ngang |
| Xu hướng tháng | - | Tăng |
| RSI 14 | 48,86 | Quan sát |
| MFI | 39,09 | Quan sát |
| MA10 | 67,45 | Mua |
| MA20 | 68,27 | Mua |
| MA50 | 70,17 | Quan sát |
| MA100 | 67,69 | Mua |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|--------|----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
|-----|-------------|--------|----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|

Danh mục theo dõi

| | | | | | | | | | | |
|---|------------|----------|-------------|--|--|---------|---------|--|--|--|
| 1 | VJC | Theo dõi | 106,5-108,5 | | | 117.000 | 102.200 | | | |
| 2 | VCI | Theo dõi | 35-35,5 | | | 41.200 | 33.500 | | | |
| 3 | LPB | Theo dõi | 31,2-31,7 | | | 35.000 | 29.850 | | | |

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

| | | | | | | | | | | |
|---|------------|---------|-----------|------------|--------|--------|--------|--|--|-------|
| 1 | SAB | Nắm giữ | 55,6-57,2 | 26/9/2024 | 57.500 | 65.000 | 53.800 | | | -2,8% |
| 2 | MWG | Nắm giữ | 63,1-63,7 | 16/10/2024 | 64.300 | 69.300 | 60.300 | | | 1,7% |
| 3 | TCB | Nắm giữ | 24,2-24,6 | 17/10/2024 | 24.100 | 26.600 | 23.200 | | | -1,9% |
| 4 | IDC | Nắm giữ | 55-55,7 | 23/10/2024 | 53.800 | 63.800 | 52.650 | | | -1,9% |
| 5 | SZC | Nắm giữ | 37,6-38,3 | 23/10/2024 | 38.100 | 42.500 | 36.400 | | | -0,3% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|----------|-------------|------------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| 1 | DGC | Chốt lời | 108,3-110,5 | 20/8/2024 | 110.300 | 127.500 | 104.000 | 04/10/24 | 114.700 | 3,9% |
| 2 | BCM | Cắt lỗ | 69,5-71 | 11/9/2024 | 70.800 | 79.800 | 66.750 | 04/10/24 | 69.500 | -2,4% |
| 3 | PNJ | Cắt lỗ | 96,2-99 | 17/9/2024 | 99.200 | 115.000 | 93.000 | 04/10/24 | 97.300 | -0,6% |
| 4 | GMD | Cắt lỗ | 77-78,8 | 25/9/2024 | 78.200 | 85.100 | 74.000 | 15/10/24 | 76.700 | -1,9% |
| 5 | VHM | Chốt lời | 41,7-42,6 | 1/10/2024 | 42.900 | 48.300 | 40.100 | 15/10/24 | 45.500 | 6,1% |
| 6 | HAH | Chốt lời | 39,8-40,4 | 08/10/2024 | 40.500 | 46.800 | 38.100 | 15/10/24 | 42.900 | 5,9% |
| 7 | DCM | Chốt lời | 37,9-38,8 | 09/10/2024 | 37.600 | 41.700 | 36.300 | 16/10/24 | 37.800 | 0,8% |
| 8 | GAS | Cắt lỗ | 72,8-73,5 | 04/10/2024 | 72.600 | 79.300 | 69.600 | 17/10/24 | 72.300 | -0,4% |
| 9 | FPT | Chốt lời | 118,0-124,0 | 06/8/24 | 120.000 | 149.000 | 113.000 | 18/10/24 | 137.700 | 14,2% |
| 10 | FRT | Cắt lỗ | 176-180 | 30/8/2024 | 178.300 | 195.000 | 170.000 | 18/10/24 | 176.900 | -0,6% |
| 11 | QNS | Chốt lời | 47-47,7 | 23/9/2024 | 48.000 | 54.500 | 45.000 | 18/10/24 | 49.700 | 3,1% |
| 12 | PAN | Chốt lời | 23,4-23,6 | 04/10/2024 | 23.000 | 26.000 | 22.300 | 18/10/24 | 24.400 | 6,5% |
| 13 | PVD | Cắt lỗ | 26,7-27,1 | 04/10/2024 | 27.300 | 30.700 | 26.500 | 18/10/24 | 26.250 | -3,8% |
| 14 | HSG | Cắt lỗ | 20,5-21,0 | 08/10/2024 | 20.900 | 24.100 | 19.700 | 22/10/24 | 20.600 | -1,4% |
| 15 | DGW | Cắt lỗ | 45,0-46,0 | 17/10/2024 | 45.600 | 51.400 | 43.200 | 22/10/24 | 45.300 | -0,7% |
| 16 | VGT | Cắt lỗ | 13,6-14,2 | 19/9/2024 | 14.100 | 16.500 | 13.000 | 24/10/24 | 13.600 | -3,5% |
| 17 | VHC | Chốt lời | 69,5-70,3 | 09/10/2024 | 70.500 | 78.200 | 67.000 | 24/10/24 | 72.900 | 3,4% |
| 18 | VGC | Cắt lỗ | 42,5-43,8 | 11/10/2024 | 43.700 | 49.600 | 41.000 | 24/10/24 | 40.800 | -3,8% |
| 19 | KBC | Cắt lỗ | 27-27,6 | 18/10/2024 | 27.500 | 33.300 | 25.900 | 24/10/24 | 26.400 | -4,0% |
| 20 | CTD | Chốt lời | 63,2-64,2 | 21/10/2024 | 63.400 | 70.000 | 60.600 | 24/10/24 | 67.800 | 6,9% |

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.